

Số: 05/2024/QĐST- DS

Thái Thụy, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q; Địa chỉ trụ sở chính: Số 25, quận H, thành phố N; Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chức danh: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị L – Chức danh: Phó Giám đốc trung tâm – Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Quốc dân theo Giấy ủy quyền số 367/2024/UQ-HDQT.NCB ngày 24/01/2024; Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Minh Đ sinh năm 1990 - Trưởng bộ phận Phòng xử lý nợ miền Bắc – Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024).

- Bị đơn: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị X, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện A, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 29/8/2024, chị Vũ Thị X và anh Vũ Đình T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q khoản nợ theo Hợp đồng hạn mức cho vay số: 079/22/HĐCV-9354 ngày 01/07/2023 và Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 001/KUNN/079/22/ HĐCV-9354 ngày 04/07/2022, tổng số tiền là **5.919.891.664** đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, chín trăm mười chín triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).
- Nợ lãi trong hạn: 185.695.710 đồng. (Một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm mười đồng).
- Nợ lãi quá hạn: 1.209.359.590 đồng. (Một tỷ, hai trăm không chín triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi đồng).
- Lãi phạt chậm trả lãi: 24.836.364 đồng. (Hai mươi tư triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng).

Ngoài ra hai bên không yêu cầu giải quyết bất kì một khoản chi phí nào khác

2.2. Về thời hạn thanh toán:

- Anh Vũ Đình T và chị Vũ Thị X phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q khoản nợ theo hợp đồng là **5.919.891.664** đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, chín trăm mười chín triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng) đồng ngay sau khi bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 30/8/2024, chị Vũ Thị X và anh Vũ Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức cho vay số: 079/22/HĐCV-9354 ngày 01/07/2023 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 001/KUNN/079/22/ HĐCV-9354 ngày 04/07/2022 cho đến ngày chị Xuyên và anh T thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận. Trong trường hợp chị X và anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị buộc Cơ quan thi hành án có thẩm quyền có quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là:

+ **Tài sản bảo đảm thứ nhất:** Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan tới thửa đất số 4636, tờ bản đồ số 12, có diện tích: diện tích: 110 m² (Bằng chữ: Một trăm mười mét vuông), hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; tại địa chỉ: Khu nhà ở thương mại Phú Hồng Thịnh IX, phường A, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh G; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Giấy chứng quyền sử dụng đất số CM 855340, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất CT24306 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/02/2018. Ngày 05/11/2018, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Tiến Q. Ngày 27/05/2022, cập nhật chuyển nhượng cho bà Vũ Thị X.

+ **Tài sản bảo đảm thứ hai:** Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan tới thửa đất số 1986, tờ bản đồ số 9, có diện tích: diện tích: 189,7 m² (Bằng chữ: Một trăm tám

mười chín phẩy bảy mét vuông), hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; tại địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh N; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Giấy chứng quyền sử dụng đất số CI 528575, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất CT35645 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/07/2017 cho DNTN An Phú Hưng. Ngày 13/06/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai –Chi nhánh Trảng Bom xác nhận chuyển nhượng cho bà Vũ Thị X theo hồ sơ số 002909.CN.419. Mã vạch 2624822001847.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị X vẫn phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng cho vay và Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ.

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng là: Anh Vũ Đình T và chị Vũ Thị X tự nguyện chịu nộp toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm 56.959.946 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng), tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.746.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004159 ngày 10/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP

THẨM PHÁN

Đào Thị Xuân Quỳnh